TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 7 năm 2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn, con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Hương G.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Anh Dũng;

2. Ông Đào Xuân Hải;

Thư ký phiên toà: Ông Ngô Văn Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023, về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/6/2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phạm Thị G, sinh năm 1983 (có mặt).

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: thôn D, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/02/2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa chị Phạm Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở có tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán ngày 23/10/2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T năm 2006. Sau khi kết chị và anh Đ về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình nhà anh. Quá trình chung sống vợ chồng có hòa thuận, hạnh phúc, tuy nhiên đến đầu tháng 9 năm 2018 vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan

điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, anh Đ hay cờ bạc, uống rượu, ngoại tình và hay đánh đập chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Nguyễn Khánh Ch, sinh ngày 23/10/2007, Nguyễn Khánh Đ1, sinh ngày 18/8/2009, Nguyễn Khánh Nh, sinh ngày 28/5/2016. Hiện nay các con đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cả 03 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Hiện nay chị đang đi bán hàng và buôn bán tại thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc G thu nhập bình quân của chị là 10.000.000đ/ tháng, do công việc tự do nên chị không có bảng lương để cung cấp cho Tòa án. Chị có nơi ở ổn định, có thu nhập nên chị đảm bảo nuôi con tốt về mọi mặt và đảm bảo cho con phát triển tốt.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp và công nợ: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho anh Đ, tuy nhiên anh Đ không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của BLTTDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Đ 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Đ 147, Đ 227, Đ 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Đ 27 Nghị quyết 326 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị G nuôi 03 con là Nguyễn Khánh Ch, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2007, Nguyễn Khánh Đ1, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2009, Nguyễn Khánh Nh, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2016.

Về cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị G phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra còn xử lý về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bắc G. Nên căn cứ vào khoản 1 Đ 35, điểm a khoản 1 Đ 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc G là đúng qui định.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Chị Phạm Thị G có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hôn nhân và gia đình với anh Nguyễn Văn Đ nên căn cứ vào khoản 1 Đ 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là: "Tranh chấp ly hôn, con chung".

[1.3].Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho anh Nguyễn Văn Đ, tuy nhiên anh Đ không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gửi cho Tòa án, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào Đ 227, Đ 228 và của BLTTDS, HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị G và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở có tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại tại UBND xã Tân Trung, huyện T, tỉnh Bắc G năm 2006. Do vậy hôn nhân giữa vợ chồng anh Đ, chị G là hôn nhân hợp pháp. Tại các biên bản xác minh, làm việc với chính quyền địa phương và tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy: Quá trình chung sống vợ chồng anh Đ, chị G có mẫu thuẫn xẩy ra, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, có xẩy ra xung đột, anh Đ chơi bời làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống vợ chồng anh Đ, chị G đã có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích nêu trên, cần xử chị Phạm Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Đ 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng chị G và anh Đ có 03 con chung là Nguyễn Khánh Ch, sinh ngày 23/10/2007, Nguyễn Khánh Đ1, sinh ngày 18/8/2009, Nguyễn Khánh Nh, sinh ngày 28/5/2016. Hiện nay các con đều

khỏe mạnh, phát triển bình thường. Các con đều có ý kiến là có nguyện vọng muốn ở cùng mẹ là chị G. Xét thấy chị G có công việc ổn định, có thu nhập, có nơi ở, cuộc sống của các con do chị G là người trực tiếp chăm lo, còn bản thân anh Đ hay vắng mặt tại gia đình và nơi cư trú. Do vậy cần giao cho chị G nuôi 03 con là có căn cứ và đảm bảo quyền lợi cuả các con và phù hợp với quy định tại Đ 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị G không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác*: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Căn cứ điểm a khoản 5 Đ 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chị Phạm Thị G phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[2.5] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ vào Đ 271 và Đ 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Đ 56, Đ 81, Đ 82 và Đ 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Đ 28, điểm a khoản 1 Đ 35, điểm a khoản 1 Đ 39, khoản 4 Đ 147, khoản 2 Đ 227, khoản 3 Đ 228, Đ 271, khoản 1 Đ 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Đ 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị G trực tiếp nuôi 03 con là Nguyễn Khánh Ch, sinh ngày 23/10/2007, Nguyễn Khánh Đ1, sinh ngày 18/8/2009, Nguyễn Khánh Nh, sinh ngày 28/5/2016.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền nay.

3. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: chị Phạm Thị G phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ chị G đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai

thu số 0004759 ngày 07 tháng 3 năm 2023 tại Ch cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc G.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Đ 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đ 6, Đ 7a, 7b và Đ 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Đ 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc G;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS T;
- UBND xã Tân Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hs vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vi Thị Hương Giang